TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN C-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2020/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 04 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN C, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Xuân T**– Sinh năm: 1982
Trú tại: Tổ 62, phường Hòa Khánh B, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng
- Bà **Nguyễn Thị Bích T**– Sinh năm: 1986
Trú tại: Tổ 62, phường Hòa Khánh B, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng
(Địa chỉ hiện nay: Thôn Tân N, xã Cự N, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T kết hôn vào tháng 3 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cự N, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu yêu thương nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 62 phường Hòa Khánh N, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vả, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà T và ông Tr làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, bà T và ông Tr đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông Tr.

[2] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T cùng xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Thị Nam B– sinh ngày 30.8.2009. Bà T và ông Tr thống nhất thỏa thuận: Giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành và ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng *(Hai triệu, năm trăm ngàn đồng)*. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 15/6/2020 cho đến khi con chung Nguyễn Thị Nam B đủ 18 tuổi.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của các con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T xác nhận không có.

[5] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân Tthống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 02.3.2009 của Ủy ban nhân dân xã Cự N, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Thị Nam B– sinh ngày 30.8.2009. Bà T và ông Tr thống nhất thỏa thuận: Giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành và ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng *(Hai triệu, năm trăm ngàn đồng)*. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 15/6/2020 cho đến khi con chung Nguyễn Thị Nam B đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bích T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Xuân T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán .

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích Tv à ông Nguyễn Xuân T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T thống nhất xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004360 ngày 11.5.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên C, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tr hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên C;
- Chi cục THADS quận Liên C;
- UBND xã Cự N, huyện Bố T,
tỉnh Quảng Bình;
- Sở tư pháp;

- Lưu hồ sơ việc.

Trương Thị Hồng Thủy